

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 51/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 05/05/2025

“V/v ly hôn, con chung”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Nghị và bà Phạm Thị Tuyết Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Mai Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa:
Ông Lê Minh Thuận – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 141/2025/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 3 năm 2025 về việc: “Ly hôn, con chung”; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2025/QĐXX-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Hoàng Thị Nhật T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số nhà E, thôn F, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có đơn xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Ông Trần Văn P, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình; có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Hoàng Thị Nhật T trình bày:

Bà Hoàng Thị Nhật T và ông Trần Văn P tìm hiểu yêu thương nhau tự nguyện, sống chung như vợ chồng từ năm 2013 và có tổ chức lễ cưới vào năm 2013, sau đó vào ngày 12/2/2015 thì có ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình. Quá trình sống chung với nhau đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng không quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã ly thân từ năm 2024, ông P đã về quê tại Thôn V, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình sinh sống cho

đến nay, mâu thuẫn trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ nên bà T có nguyện vọng xin được ly hôn với ông Trần Văn P.

Về con chung: Bà T và ông P có 04 con chung là: Trần Hoàng Kim N, sinh ngày 31/12/2013; Trần Hoàng Hương G, sinh ngày 13/11/2015; Trần Hoàng Phương L, sinh ngày 10/10/2017 và Trần Hoàng Thủy T1, sinh ngày 25/3/2024. Tất cả các con chung đều đang sống cùng bà T. Bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 4 con chung và tự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Văn P trình bày:

Ông Trần Văn P và bà Hoàng Thị Nhật T cưới nhau theo phong tục tập quán và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 12/02/2015, tại Ủy Ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, nhưng đầu năm 2024 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan niệm sống và cách nhìn nhận cuộc sống không phù hợp. Mặc dù hai bên đã rất cố gắng, hai gia đình cũng đã động viên, khuyên nhủ nhưng ông bà vẫn không thể kiềm chế được nổi bức xúc mỗi khi cùng chung sống trong cùng một mái nhà. Nay, xét thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, đời sống chung cũng đã mất, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho được thuận tình ly hôn và thỏa thuận về con chung. Vì vậy, ông P đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk giải quyết cho ông bà được ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông P và bà Hoàng Thị Nhật T có 04 con chung gồm có: Trần Hoàng Kim N, sinh ngày 31/12/2013; Trần Hoàng Hương G, sinh ngày 13/11/2015; Trần Hoàng Phương L, sinh ngày 10/10/2017 và Trần Hoàng Thủy T1, sinh ngày 25/3/2024. Hiện nay các cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường và do các cháu còn nhỏ, nay ly hôn, ông đề nghị Tòa án giao các cháu cho mẹ là bà Hoàng Thị Nhật T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu đến khi trưởng thành.

Về trợ cấp nuôi con: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền, thủ tục. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã thực hiện đầy

đủ và đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị Nhật T được ly hôn với ông Trần Văn P.

Về con chung: Giao 04 con chung là Trần Hoàng Kim N, sinh ngày 31/12/2013; Trần Hoàng Hương G, sinh ngày 13/11/2015; Trần Hoàng Phương L, sinh ngày 10/10/2017 và Trần Hoàng Thủy T1, sinh ngày 25/3/2024 cho bà Hoàng Thị Nhật T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung đủ tuổi thành niên.

Ông Trần Văn P có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Hoàng Thị Nhật T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp.

Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn bà Hoàng Thị Nhật T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Trần Văn P, nguyên đơn, bị đơn lựa chọn Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột làm Tòa án giải quyết vụ việc. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì đây là vụ án “Ly hôn, con chung” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[2]. Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị Nhật T và ông Trần Văn P sống chung như vợ chồng từ năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình vào ngày 12/02/2015 trên cơ sở tự nguyện, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nguyên đơn, bị đơn thống nhất trình bày quá trình sống chung thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, hiện đã sống ly thân, mâu thuẫn trở nên

trầm trọng, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không còn khả năng đoàn tụ nên bà T xin được ly hôn với ông P, ông P cũng đồng ý ly hôn với bà T. Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa Bà Hoàng Thị Nhật T và ông Trần Văn P, đã mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Bà T, ông P có 04 con chung là Trần Hoàng Kim N, sinh ngày 31/12/2013; Trần Hoàng Hương G, sinh ngày 13/11/2015; Trần Hoàng Phương L, sinh ngày 10/10/2017 và Trần Hoàng Thủy T1, sinh ngày 25/3/2024. Bà T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 4 con chung, ông P cũng đồng ý với nguyện vọng của bà T. X thấy bà T đủ điều kiện nuôi con, các con chung cũng hiện đang sống cùng bà T, các con chung Trần Hoàng Kim N, sinh ngày 31/12/2013; Trần Hoàng Hương G, sinh ngày 13/11/2015; Trần Hoàng Phương L, sinh ngày 10/10/2017 đều có nguyện vọng được sống cùng bà T, cháu Trần Hoàng Thủy T1, sinh ngày 25/3/2024 dưới 36 tháng tuổi. Vì quyền lợi, cũng như đảm bảo sự phát triển tâm sinh lý của trẻ, cần giao cả 4 con chung cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu T2 đủ tuổi thành niên là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Ông Trần Văn P có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông P, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông P, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 81, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị Nhật T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị Nhật T được ly hôn ông Trần Văn P.

Về con chung: Giao 4 con chung là Trần Hoàng Kim N, sinh ngày 31/12/2013; Trần Hoàng Hương G, sinh ngày 13/11/2015; Trần Hoàng Phương L, sinh ngày 10/10/2017 và Trần Hoàng Thủy T1, sinh ngày 25/3/2024 cho bà Hoàng Thị Nhật T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T2 đủ tuổi thành niên. Ông Trần Văn P có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Hoàng Thị Nhật T và ông Trần Văn P không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Hoàng Thị Nhật T và ông Trần Văn P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Hoàng Thị Nhật T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà ông Lê Văn T3 đã nộp thay Hoàng Thị Nhật T theo biên lai thu số 0000676 ngày 07/01/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. BMT;
- CCTHADS TP. BMT;
- UBND xã Tam Quang,

Huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

- Các đương sự;
- Lưu: HS +VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

đã ký)

Lê Đình Thanh

